



CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

CHƯƠNG 6

VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Bộ môn Lý luận chính trị - Khoa Khoa học cơ bản

- **Về kiến thức:** Sinh viên nắm được quan điểm cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc, tôn giáo, mối quan hệ dân tộc – tôn giáo và quan điểm, nội dung chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay.
- **Về kỹ năng:** Có năng lực vận dụng những nội dung đã học để phân tích, giải thích những vấn đề trong thực tiễn liên quan một cách khách quan, có cơ sở khoa học.
- **Về tư tưởng:** Sinh viên thấy rõ tính khoa học trong quan điểm và cách thức giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo của chủ nghĩa Mác – Lênin, của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ đó xác định trách nhiệm của bản thân góp phần tuyên truyền và thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước.

6.1. Dân tộc trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

6.2. Tôn giáo trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

6.3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt nam

6.1.1. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc

6.1.2. Chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc

6.1.3. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam

6.1.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA DÂN TỘC

a. Khái niệm dân tộc

- Nghĩa rộng: Dân tộc là một hình thức cộng đồng người ổn định, bền vững hợp thành nhân dân của một quốc gia, có lãnh thổ riêng, có nền kinh tế thống nhất, quốc ngữ chung, có truyền thống văn hóa, truyền thống đấu tranh chung hình thành trong quá trình dựng nước và giữ nước.
- Nghĩa hẹp: Dân tộc là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng tộc người được hình thành trong lịch sử, có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có chung ý thức tự giác tộc người, có chung ngôn ngữ và văn hoá.



b. Đặc trưng cơ bản của dân tộc

Đặc trưng cơ bản của dân tộc theo nghĩa rộng

- Có chung một lãnh thổ ổn định;
- Có chung một phương thức sinh hoạt kinh tế;
- Có chung một ngôn ngữ;
- Có chung một nền văn hóa, tâm lý;
- Có chung một nhà nước.

Đặc trưng cơ bản của dân tộc theo nghĩa hẹp

- Là một cộng đồng về ngôn ngữ;
- Là một cộng đồng về văn hoá;
- Có ý thức tự giác tộc người.

Câu 1: Theo nghĩa rộng, dân tộc bao gồm mấy đặc trưng?

- A. 1
- B. 3
- C. 5
- D. 7

6.1.2. CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

a. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc

Xu hướng
hình thành
quốc gia
dân tộc độc lập

Xu hướng
liên hiệp
dân tộc

a. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc

Xu hướng thứ nhất: Cộng đồng dân cư muốn tách ra để hình thành cộng đồng dân tộc độc lập.

- Nguyên nhân là do sự thức tỉnh, sự trưởng thành về ý thức dân tộc, về quyền song của mình, các cộng đồng dân cư muốn tách ra để thành lập một cộng đồng dân tộc độc lập.
- Xu hướng này thể hiện rõ trong phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc muốn thoát khỏi sự áp bức, bóc lột của các nước thực dân, đế quốc.

Xu hướng thứ hai: Các dân tộc trong từng quốc gia, thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau.

- Xu hướng này nổi lên trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản đã phát triển thành chủ nghĩa đế quốc đi bóc lột thuộc địa.
- Sự phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học và công nghệ, của giao lưu kinh tế và văn hoá trong xã hội tư bản chủ nghĩa đã làm xuất hiện nhu cầu xoá bỏ hàng rào ngăn cách giữa các dân tộc, thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau.

Trong thời đại ngày nay, hai xu hướng khách quan được biểu hiện rất đa dạng, phong phú:

- Xu hướng thứ nhất thứ nhất thể hiện trong sự nỗ lực của từng dân tộc để đi tới sự tự do, bình đẳng và phồn vinh của dân tộc mình. Xu hướng thứ hai thể hiện ở sự xuất hiện những động lực thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau hơn, hoà hợp với nhau hơn trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.
- Trong phạm vi quốc tế, xu hướng thứ nhất thể hiện trong phong trào giải phóng dân tộc nhằm chống lại chủ nghĩa đế quốc. Xu hướng thứ hai được thể hiện ở xu thế các dân tộc muốn xích lại gần nhau, hợp tác với nhau để hình thành liên minh dân tộc ở phạm vi khu vực hoặc toàn cầu.

b. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin

Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng.

Các dân tộc được quyền tự quyết.

Liên hiệp công nhân các dân tộc lại.

Câu 2: Đâu không phải là nội dung trong cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin?

- A. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng.
- B. Các dân tộc được quyền tự quyết.
- C. Các dân tộc thuộc địa liên hiệp lại với nhau.
- D. Liên hiệp công nhân các dân tộc lại.

6.1.3. DÂN TỘC VÀ QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM

a. Đặc điểm dân tộc ở Việt Nam

- Có sự chênh lệch về số dân giữa các tộc người;
- Các dân tộc cư trú xen kẽ nhau;
- Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam chủ yếu cư trú ở địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh và giao lưu quốc tế;
- Các dân tộc ở Việt Nam có trình độ phát triển không đều;
- Các dân tộc ở Việt Nam có truyền thống đoàn kết gắn bó lâu đời trong cộng đồng dân tộc – quốc gia thống nhất;
- Mỗi dân tộc có bản sắc văn hoá riêng góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hoá Việt Nam thống nhất.



b. Quan điểm, chính sách của Đảng, nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc

- Đảng Cộng sản Việt Nam ngay từ khi mới ra đời đã thực hiện nhất quán những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc. Đảng và Nhà nước luôn coi trọng vấn đề dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.
- Đại hội lần thứ XII của Đảng khẳng định: “Đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của nước ta”.

b. Quan điểm, chính sách của Đảng, nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc

Quan điểm, chính sách của Đảng, nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc

- Đoàn kết dân tộc – vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam.
- Các dân tộc bình đẳng, tương trợ nhau cùng phát triển và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
- Phát triển toàn diện các dân tộc về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh – quốc phòng; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc...
- Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế – xã hội các vùng dân tộc và miền núi...
- Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, của toàn bộ hệ thống chính trị.

Nội dung chính sách dân tộc của đảng và nhà nước việt nam về vấn đề dân tộc



Câu 3: Chọn phương án đúng.

- A. Các dân tộc ở Việt Nam có sự phát triển đồng đều nhau.
- B. Các dân tộc ở Việt Nam không có sự chênh lệch về số dân giữa các tộc người.
- C. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam cư trú phân bố chủ yếu ở địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng.
- D. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam cư trú chủ yếu ở vùng đồng bằng.

6.2. VẤN ĐỀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

**6.2.1. Quan điểm chủ nghĩa
Mác – Lênin về tôn giáo**

**6.2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và
chính sách tôn giáo của Đảng,
nhà nước ta hiện nay**

a. Bản chất, nguồn gốc, tính chất của tôn giáo

Khái niệm tôn giáo

Tôn giáo



Là một hình thái ý thức xã hội phản ánh hư ảo hiện thực khách quan, thông qua sự phản ánh đó, các lực lượng tự nhiên trở thành siêu tự nhiên, thần bí.

Tín ngưỡng
mê tín, dị đoan

a. Bản chất, nguồn gốc, tính chất của tôn giáo

Bản chất của tôn giáo

- Tôn giáo là một hiện tượng xã hội – văn hóa do con người sáng tạo ra.
- Về phương diện thế giới quan: tôn giáo mang thế giới quan duy tâm, có sự khác biệt với thế giới quan duy vật, khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Nguồn gốc của tôn giáo

- Nguồn gốc tự nhiên, kinh tế – xã hội.
- Nguồn gốc nhận thức.
- Nguồn gốc tâm lý.

Tính chất của tôn giáo

- Tính lịch sử.
- Tính quần chúng.
- Tính chính trị.

b. Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Một là, tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của quần chúng nhân dân.
- Hai là, việc khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, phát huy những mặt tích cực của tôn giáo.
- Ba là, phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng trong giải quyết vấn đề tôn giáo để giải quyết tốt mối quan hệ giữa hai mặt ấy.
- Bốn là, phải có quan điểm lịch sử cụ thể trong giải quyết vấn đề tôn giáo.

Câu 4: Tôn giáo ra đời dựa trên những nguồn gốc nào?

- A. Nguồn gốc tự nhiên, kinh tế xã hội; nguồn gốc tâm lý.
- B. Nguồn gốc tự nhiên, kinh tế xã hội; nguồn gốc nhận thức.
- C. Nguồn gốc nhận thức và nguồn gốc tâm lý.
- D. Nguồn gốc tự nhiên, kinh tế xã hội; nguồn gốc nhận thức và nguồn gốc tâm lý.

6.2.2. TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM VÀ CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC TA HIỆN NAY

a. Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam

- Thứ nhất, Việt Nam là quốc gia có nhiều tôn giáo.
- Thứ hai, tôn giáo ở Việt Nam đa dạng, đan xen, chung sống hòa bình, không có xung đột, đấu tranh tôn giáo.
- Thứ ba, tín đồ các tôn giáo Việt Nam phần lớn là nhân dân lao động, có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc.
- Thứ tư, hàng ngũ chức sắc tôn giáo có vai trò, vị trí quan trọng trong giáo hội, có uy tín, ảnh hưởng tới tín đồ.
- Thứ năm, các tôn giáo ở Việt Nam đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài.



6.2.2. TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM VÀ CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC TA HIỆN NAY

b. Chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay

- Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.
- Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc.
- Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng.
- Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.
- Vấn đề theo đạo và truyền đạo: Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Câu 5: Công tác tôn giáo ở Việt Nam là trách nhiệm của tổ chức nào?

- A. Của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- B. Của các tổ chức giáo hội.
- C. Của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- D. Của cả hệ thống chính trị.

6.3.1. Đặc điểm của quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

a. Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo; quan hệ dân tộc và tôn giáo được thiết lập và củng cố trên cơ sở cộng đồng quốc gia – dân tộc thống nhất

- Các tôn giáo ở Việt Nam có truyền thống gắn bó chặt chẽ với dân tộc, đồng hành cùng dân tộc, đạo gắn với đời.
- Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo về cơ bản đều có tinh thần đoàn kết, ý thức rõ về cội nguồn dân tộc, cùng chung sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi trọng và giải quyết khá tốt mối quan hệ dân tộc và tôn giáo.



b. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi tín ngưỡng truyền thống

- Ở Việt Nam, tín ngưỡng truyền thống được biểu hiện ở nhiều cấp độ, trên phạm vi cả nước, diễn ra trong mọi gia đình, dòng họ.
- Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ anh hùng dân tộc, những người có công với nước với dân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong đời sống tâm linh của người Việt.
- Ở cấp độ gia đình, thờ cúng tổ tiên là hoạt động phổ biến, thậm chí trở thành truyền thống, nét đẹp văn hóa của mỗi gia đình.
- Ở cấp độ làng, xã, hầu hết các làng xã của người Việt Nam thờ cúng Thành hoàng làng, thần làng rất đa dạng.
- Ở cấp độ quốc gia, đỉnh cao của sự hội tụ, đoàn kết trong cộng đồng người Việt Nam được biểu hiện dưới dạng tín ngưỡng, tôn giáo.
- Tín ngưỡng truyền thống đã làm nên đặc thù trong quan hệ dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam. Các tôn giáo bên ngoài muốn du nhập vào Việt Nam đều phải biến đổi ít nhiều để phù hợp với truyền thống dân tộc.

c. Các hiện tượng tôn giáo mới có xu hướng phát triển mạnh, tác động đến đời sống cộng đồng và khối đại đoàn kết dân tộc

- Từ khi đất nước đổi mới, phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt Nam cũng phát triển.
- Trong sự phát triển của các tôn giáo mới, cũng đã xuất hiện một số hiện tượng tôn giáo mang tính chất mê tín dị đoan.
- Một số nhóm lợi dụng tôn giáo để tuyên truyền những nội dung gây hoang mang trong quần chúng, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước...
- Các hiện tượng tôn giáo mới hiện nay cần được quản lý tốt nhằm ổn định chính trị quốc gia và giải quyết tốt mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở nước ta.

Câu 6: Chọn phương án đúng.

- A. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam chịu sự chi phối mạnh mẽ của các tôn giáo bên ngoài.
- B. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam chịu sự chi phối mạnh mẽ của tín ngưỡng truyền thống.
- C. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam chịu sự chi phối mạnh mẽ của các tổ chức giáo hội.
- D. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam chịu sự chi phối mạnh mẽ của các chức sắc tôn giáo.

6.3.2. ĐỊNH HƯỚNG GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

- Giải quyết tốt mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam được thực hiện theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam: “Nghiêm trị những âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc... Đồng thời chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc hoặc những hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trái với quy định của pháp luật”.
- Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII.



6.3.2. ĐỊNH HƯỚNG GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo cần quán triệt một số quan điểm sau:

- Tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa dân tộc và tôn giáo, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết tôn giáo là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài và cấp bách của cách mạng Việt Nam.
- Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải đặt trong mối quan hệ với cộng đồng quốc gia – dân tộc thống nhất, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, quyền của các dân tộc thiểu số, đồng thời kiên quyết đấu tranh chống lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo vào mục đích chính trị.
-

Câu 7: Tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam được Đảng ta xác định:

- A. Là vấn đề chiến lược lâu dài của cách mạng Việt Nam.
- B. Là vấn đề cơ bản và cấp bách của cách mạng Việt Nam.
- C. Là vấn đề cấp bách của cách mạng Việt Nam.
- D. Là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài và cấp bách của cách mạng Việt Nam.

- Chương 6 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội theo quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin và quan điểm của Đảng ta trong việc giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo.
- Từ những kiến thức đã học, sinh viên nhận thấy được tầm quan trọng của việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc và giải quyết tốt vấn đề dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam; có ý thức đóng góp sức mình trong công cuộc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc và công tác tôn giáo ở Việt Nam.